TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày 26/7/2021
V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mý
2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Ia**
Địa chỉ: 02 Lý Tự Trọng, thị trấn Ia, huyện I, tỉnh G.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị K - Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị D – Giám đốc.
(theo quyết định ủy quyền số 03/QĐ-QTD ngày 29/11/2018)
Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thị H**.
Địa chỉ: Thôn T, thị trấn Ia, huyện I, tỉnh G.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 03/12/2018 Quỹ tín nhân dân thị trấn Ia lập hợp đồng tín dụng số F94/18/HĐTD cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H vay 10.000.000đ với dạng tín chấp để chăm sóc cây cà phê. Thời hạn vay là 12

tháng, từ ngày 03/12/2018 đến ngày 03/12/2019, lãi suất cho vay là 14,4%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trong quá trình vay, ông T và bà H đã trả số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 03/12/2018 đến ngày 02/9/2019 là 1.078.000đ. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ông T và bà H không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho Quỹ tín dụng, nên từ ngày 10/12/2019 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông T và bà H phải trả số nợ gốc 10.000.0000đ, tiền lãi trong hạn còn lại tính từ ngày 03/9/2019 đến ngày 03/12/2019 là 363.000đ, tiền lãi quá hạn từ ngày 04/12/2019 đến ngày 26/7/2019 là 3.550.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông T và bà H trả xong nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa các bị đơn cũng đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Toà án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng là 13.913.000đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Ia (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) khởi kiện ông Nguyễn Văn Tvà bà Nguyễn Thị H để yêu cầu trả số nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số F94/18/HĐTD ngày 03/12/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ trả được 1.078.000đ tiền lãi cho nguyên đơn và khi đến hạn trả nợ ngày 03/12/2019 bị đơn không trả nợ gốc và trả đủ tiền lãi cho nguyên đơn là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do vậy ngày 10/11/2020 nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 10.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 14,4%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/7/2021, bị đơn còn nợ của nguyên đơn tiền lãi trong hạn là 363.000đ, lãi quá hạn 3.550.000đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 10.000.000đ tiền nợ gốc, lãi trong hạn còn lại là 363.000đ, lãi quá hạn là 3.550.000đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 13.913.000đ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là 13.913.000đ x 5% = 695.650đ.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Ia.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Tvà bà Nguyễn Thị Hphải liên đới trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Ia Kha tiền nợ gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là trong hạn còn lại là 363.000đ, lãi quá hạn là 3.550.000đ, tổng cộng là **13.913.000đ** *(mười ba triệu chín trăm mười ba nghìn đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu **695.650đ** *(sáu trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Ia toàn bộ số tiền đã tạm nộp là **311.300đ** *(ba trăm mười một nghìn ba trăm đồng)* theo biên lai thu số 0011761 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Chí Công